

Ngày xuân
Bói KIỀU

Một sinh hoạt văn hóa ngày Tết tại Làng Mai



Truyện Kiều – Nguyễn Du
Thích Nhất Hạnh chọn quẻ

NGÀY XUÂN BÓI KIỂU

Bản quyền tiếng Việt © 2026 Plum Village
Community of Engaged Buddhism, Inc.

*Tác phẩm được xuất bản theo hợp đồng bản quyền giữa
Plum Village Community of Engaged Buddhism, Inc.
và Công ty Cổ phần Sách Thái Hà.*

Thái Hà Books trân trọng cảm ơn mọi ý kiến đóng góp của độc giả.

Mọi thông tin xin gửi về:

- Góp ý về biên tập: publication@thaihabooks.com
- Tư vấn dịch vụ xuất bản: dichvuxuatban@thaihabooks.com

Truyện
Kiều
Nguyễn
Du

Thích
Nhất
Hạnh
Chọn quê

Ngày xuân Bói KIỀU

Một sinh hoạt văn hóa ngày Tết tại Làng Mai



NHÀ XUẤT BẢN
HÀ NỘI

THINK-BOOKS
Phong vụ để bạn đọc

Thời còn trẻ có
hôm nay
tạm bưng
tâm ngộ
vén mây
giữa trời



Nếu ai muốn thấy và muốn hiểu
Chữ Bụt có mặt trong ba đời
Người ấy cần quán chiếu pháp giới
Tất cả đều do tâm mà thôi

$$\Rightarrow \text{H} - \text{C}(\text{H})_2 - \text{C}(\text{H})_2 - \text{C}(\text{H})_2 - \text{H}$$

Kinh Hoa nghiêm

Nghệ thuật đoán quẻ Kiều



Bói Kiều là tham khảo ý kiến cụ Nguyễn Du, ni sư Giác Duyên và đạo cô Tam Hợp về tình trạng hiện tại của mình và để biết tu tập tiếp xử cách nào cho có hạnh phúc và thành công trong năm tới. “Thác là thể phách, còn là tinh anh”, tuy hình hài cụ Tiên Điền không còn, nhưng tinh anh của đại thi hào vẫn còn mãi mãi trong ta, chung quanh ta và trong sức sống của dân tộc. Tại Làng Mai, ai bói Kiều cũng tấm tắc khen là linh nghiệm.

Muốn tham vấn, phải tới trước bàn thờ Phật và Tổ để lạy ba lạy thật cung kính, rồi ngồi xuống đặt tay vào thành chuông, thở ba lần rất chánh niệm rồi đưa tay vào chuông bốc lên một

quẻ. Cụ Nguyễn Du cũng như ni sư Giác Duyên đều là tổ tiên tâm linh và nghệ thuật của tất cả chúng ta.

Quẻ ấy được trao cho vị có nhiệm vụ đoán quẻ. Vị này là một người có kiến thức và am hiểu *Truyện Kiều*, có khiếu tâm lý và nhận xét, nhất là có kiến thức Phật pháp và kinh nghiệm tu tập. Trong lúc quẻ được một người ngâm lên, mọi người có mặt đều thực tập theo dõi hơi thở. Nên có tiếng đàn phụ họa giọng ngâm. Thời gian này là để vị đoán quẻ chiêm nghiệm.

Về cách đoán quẻ, các thầy, các sư cô và các vị cư sĩ ở Làng Mai thường theo phương pháp sau đây:

1/ Trong hai câu lục bát, có thể một câu là nhân và một câu là quả. Quả có thể là đã phát sinh trong hiện tại hay là điều mong ước trong tương lai. Nhân là lời khuyên của cụ Nguyễn Du về cách hành xử và tu tập để chuyển hóa hay thực hiện. Ví dụ: “Trong như tiếng hạc bay qua” là tâm an tĩnh của mình, được xem là quả hiện tại. Nhân của quả ấy là “Đường gần rừng tía, đường xa bụi hồng”, nghĩa là đã biết thân cận với Tam bảo và xa lìa những môi trường nguy hiểm. Cũng thế, như ở các quẻ 48 và 78, câu 8 là nhân, câu 6 là quả; ở các quẻ 93 và 100, câu 6 là nhân và câu 8 là quả. Có khi trong một câu 8, bốn chữ đầu là nhân, bốn chữ sau là quả, hay ngược lại.

2/ Nghĩa lý trong quẻ không cần đi theo nghĩa lý *Truyện Kiều*. Ví dụ: “Lòng còn gửi áng mây vàng” không hẳn phải giải là lý tưởng tu học vẫn còn vững mạnh, bồ đề tâm vẫn còn nguyên vẹn,

vì mây vàng ở đây có thể được xem là lý tưởng cao siêu của đạo Phật, của ánh đạo vàng. “Song thu đã khép cánh ngoài” không những có nghĩa là đóng cửa sổ lại mà còn có nghĩa là đừng nên để tâm tới những chuyện thế gian, phải tập trung tâm ý vào việc tu học. “Nghìn tầm nhờ bóng tùng quần”, theo tinh thần của Quy Sơn cảnh sách, là phải nương tựa vào các vị thiện tri thức lớn.

3/ Hỏi xem đương sự đã muốn tham vấn cụ Nguyễn Du về vấn đề nào, để nương vào đó mà đoán quẻ.

4/ Có thể tham khảo ý kiến của một vài vị thiện tri thức có mặt xem các vị này có tuệ giác gì khác nữa hay không về quẻ đang được đoán.

5/ Quẻ đoán phải có tác dụng an ủi, khuyến khích và soi sáng cho người xin quẻ.

6/ Trong giờ bói Kiều, nên tập hợp cả đại chúng. Mỗi người bói xong phải lạy tạ trước khi trở về chỗ ngồi. Mỗi lời đoán phải là một bài thuyết pháp ngắn cho tất cả đại chúng.

Kính chúc liệt vị những ngày xuân ấm áp, hạnh phúc và đầy đạo vị.

Thích Nhất Hạnh
Làng Mai, 2007

Bây giờ rõ
mặt trời ta
Biết đâu rồi
mưa chẳng là
chiêm bao ?



Lời Khấn:

*“Cầu thi thánh Nguyễn Du
Cầu đạo cô Tam Hợp
Cầu sư trưởng Giác Duyên
Cầu giáng tiên Thúy Kiều*

Tôi tên là

Xin tham vấn thi thánh, đạo cô, sư trưởng và giáng tiên về
vấn đề ”

1- Thông minh vốn sẵn tính trời (29)

Nhẹ nhàng nghiệp trước, đền bồi duyên sau. (2690)

Tính trời: Tính cách, tài năng trời phú, đã có từ lúc sinh ra.

Nghiệp: Gồm nghiệp nhân và nghiệp quả, là những hành động và kết quả của những hành động ấy trên các phương diện thân, miệng và ý của ta trong quá khứ, hiện tại và cả tương lai.

Duyên: Là bốn loại điều kiện để nhân thành quả.

2- Tan sương vừa rạng ngày mai (1083)

Trụ trì nghe tiếng vội mời vào trong. (2038)

Rạng: Rạng sáng, đêm vừa hết và ngày mới đến.

Trụ trì: Vị tăng hay ni có trách nhiệm quản lý ngôi chùa.

3- Nâu sồng từ trở màu thiền (1933)

Mặn khen nét bút càng nhìn càng tươi. (400)

Nâu sồng: Chỉ quần áo của người tu, được may từ vải nhuộm bằng củ nâu và củ sồng.

Màu thiền: Màu sắc của nhà chùa, ý nói đã thấm tương chao, trong lời ăn tiếng nói và suy nghĩ đã có phong vị của thiền.

4- Bây giờ rõ mặt đôi ta (443)
Tu là cội phúc, tình là dây oan. (2658)

Cội phúc: Cái gốc của hạnh phúc.

Dây oan: Sợi dây ràng buộc mình vào những khó khăn, oan nghiệt.

5- Song thu đã khép cánh ngoài (1073)
Hay là khổ tận đến ngày cam lai? (3210)

Song thu: Cửa sổ mùa thu.

Khổ tận cam lai: Những cay đắng đã qua rồi và những ngọt ngào đang tới.

6- Bấy lâu mới được một ngày (315)
Ngọn đèn khêu nguyệt, tiếng chày nện sương. (2058)

Ngọn đèn khêu nguyệt: Thức khuya đọc sách, tìm đèn cháy sáng có hình của con trăng lưỡi liềm.

Tiếng chày nện sương: Dậy sớm, ta thỉnh chuông đại hồng mà giống như đang nện vào đám sương mù.

**7- Cho hay giọt nước cành dương (1931)
Túc khiên đã rửa lằng lằng sạch rồi. (2688)**

Giọt nước cành dương: Giọt nước cam lồ từ cành dương liễu của đức Bồ tát Lăng Nghe Quan Thế Âm.

Túc khiên: Túc, nghĩa là thuộc về những đời trước. Khiên, nghĩa là những tội lỗi, sai lầm và ràng buộc.

**8- Tắm thân rày đã nhẹ nhàng (2293)
Thanh thiên bạch nhật rõ ràng cho coi. (2396)**

Rày: Lúc này, bây giờ.

Thanh thiên bạch nhật: Bầu trời xanh giữa ban ngày.

**9- Thương sao cho vẹn thì thương (1359)
Lòng đây lòng đấy chưa tường hay sao? (1362)**

Vẹn: Trọn vẹn, không thiếu sót.

Tường: Nhìn thấy rõ ràng.

**10- Thương sao cho vẹn thì thương (1359)
Lửa lòng tưới tắt mọi đường trần duyên. (1932)**

Vẹn: Trọn vẹn, không thiếu sót.

Lửa lòng: Những ngọn lửa ở trong lòng, ý nói có một nguồn năng lượng, một động lực lớn trong lòng.

Trần duyên: Trần là bụi bặm, là cõi đời. Trần duyên là những điều kiện tiêu cực lôi kéo và dẫn dắt ta về hướng bụi bặm và thế tục.

11- Phật tiền ngày bạc lân la (2991) Tương tri đường ấy mới là tương tri. (3184)

Phật tiền: Ở trước Phật. Ý nói đang ở chùa.

Ngày bạc: Những ngày thông thả, rảnh rỗi.

Tương tri: Thấu hiểu nhau, biết rõ nhau.

12- Nghìn tầm nhờ bóng tùng quân (901) Đã tin điều trước ắt nhằm việc sau. (2410)

Tầm: Đơn vị đo chiều dài, khoảng bằng một sải tay người lớn.

Tùng quân: Chỉ người quân tử. Tùng: cây tùng. Quân: cây tre.

13- Đã nguyên hai chữ đồng tâm (555) Ai lay chẳng chuyển, ai rung chẳng rời. (2522)

Đồng tâm: Cùng một lòng.

**14- Đã nên có nghĩa có nhân (2909)
Về non xa, tấm trắng gần ở chung. (1034)**

Nghĩa: Lối xử sự phù hợp với đạo lý, có trách nhiệm, công bằng và theo lẽ phải.

Nhân: Lòng thương yêu và quý trọng con người.

**15- Đề huề lưng túi gió trăng (137)
Ai lay chẳng chuyển, ai rung chẳng rời. (2522)**

Đề huề: Mang theo.

Lưng: Nửa chừng, chưa đầy.

**16- Gương trong chẳng chút bụi trần (3173)
Thói nhà băng tuyết, chất hằng phi phong. (332)**

Bụi trần: Những bụi bặm của cuộc đời. Ý nói những tiêu cực, khổ đau và ràng buộc trong cuộc đời.

Thói nhà băng tuyết: nếp sống trong sạch của gia đình.

Chất hằng phi phong: Tuy nghèo nhưng luôn giữ được tư cách của mình. Phi phong tức rau phỉ và rau phong.

**17- Nâu sông từ trở màu thiên (1933)
Tìm đâu thì cũng biết tin rõ ràng. (1686)**

Nâu sông: Chỉ quần áo của người tu, được may từ vải nhuộm bằng củ nâu và củ sống.

Màu thiên: Màu sắc của nhà chùa, ý nói đã thấm tương chao, trong lời ăn tiếng nói và suy nghĩ đã có phong vị của thiên.

**18- Thương nhau xin nhớ lời nhau (1515)
Cơ duyên nào đã hết đâu, vội gì? (2412)**

Cơ duyên: Cơ: cơ hội. Duyên: điều kiện. Những cơ hội và điều kiện thuận lợi để thực hiện một việc nào đó.

**19- Song hồ nửa khép cánh mây (283)
Hoa chào ngô hạnh, hương bay đậm phần. (2862)**

Song hồ: Cửa sổ được dán giấy (giấy hồ).

Cánh mây: Cánh cửa dán giấy có vẽ mây.

Ngô hạnh: Con đường ở trong Hạnh Viên, chỗ nhà vua tiếp đãi các vị tiến sĩ mới.

Đậm phần: Đường về quê hương. Phần: cây phần, thường dùng để chỉ quê hương.

20- Dịp đầu may mắn lạ thường (1291)
Sớm khuya tiếng hạc tiếng đàn tiêu dao. (2876)

Tiêu dao: Thông thả, tự tại.

21- Tan sương vừa rạng ngày mai (1083)
Hoa chào ngô hạnh, hương bay dậm phần. (2862)

Rạng: Rạng sáng, đêm vừa hết và ngày mới đến.

Ngô hạnh: Con đường ở trong Hạnh Viên, chỗ nhà vua tiếp đãi các vị tiến sĩ mới.

Dậm phần: Đường về quê hương. Phần: cây phần, thường dùng để chỉ quê hương.

22- Bốn bề bát ngát xa trông (1035)
Khỏi rừng lau đã tới sân Phật đường. (3006)

Phật đường: Nơi thờ Phật, ý nói ngôi chánh điện Tam Bảo.

23- Một người dễ có mấy thân (1005)
Ở đây hoặc có giai âm chẳng là. (2884)

Giai âm: Tin tốt, tin lành.

24- Nghìn tấm nhờ bóng tùng quân (901)
Trước sau trọn vẹn, xa gần ngợi khen. (2910)

Tấm: Đơn vị đo chiều dài, khoảng bằng một sải tay người lớn.

Tùng quân: Chỉ người quân tử. Tùng: cây tùng. Quân: cây tre.

25- Cùng nhau nường cửa Bồ đề (2989)
Vườn xuân một thửa, để bia muôn đời. (3240)

Cửa Bồ đề: Tức cửa chùa, cửa Phật.

Vườn xuân một thửa: Một mảnh vườn, một khu vườn mùa xuân.

26- Ngày xuân em hãy còn dài (731)
Mừng nào lại quá mừng này nữa chẳng? (2994)

Ngày xuân: Nghĩa là thời gian tuổi trẻ.

27- Trùng sinh ân nặng bể trời (3049)
Ngày phô thủ tự, đêm nhồi tâm hương. (1930)

Trùng sinh: Sinh ra thêm một lần nữa. Cha mẹ sinh ra ta lần thứ nhất, người cứu ta sống lại từ cái chết là người sinh ra ta lần thứ hai.

Phô: Bày ra.

Thủ tự: Nét chữ viết tay.

Nhối: Huấn luyện, thực tập.

**28- Thiên trà cạn nước hồng mai (1991)
Nhờ tay tế độ, vớt người trầm luân. (1080)**

Hồng mai: Nước trà nấu bằng gỗ của thân cây mai già.

Tế độ: Đưa người sang bờ bên kia, nơi có sự thanh thoi, hạnh phúc.

Trầm luân: Trôi lăn chìm đắm trong khổ đau.

**29- Cùng nhau lạy trước Phật đài (3031)
Mừng nào lại quá mừng này nữa chẳng? (2994)**

Phật đài: Đài thờ Phật, ý nói ban thờ Tam Bảo.

**30- Lời vàng vàng lĩnh ý cao (495)
Trên am cứ giữ hương dầu hôm mai. (3234)**

Lời vàng: Từ gốc là kim ngôn, là những lời dạy quý giá của Bụt.

Lĩnh: Nghĩa là tiếp nhận một cách cung kính.

Hương dầu: Sự chăm sóc nhang đèn trên bàn thờ Bụt.

Hôm mai: Ban đêm và rạng sáng, hai buổi công phu.

31- Trong như tiếng hạc bay qua (481) Đường gần rừng tía, đường xa bụi hồng. (1926)

Rừng tía: Là rừng trúc tím, chỗ ở của đức Bồ tát Lăng Nghe Quan Thế Âm.

Bụi hồng: Bụi đỏ, ý chỉ những phiền muộn rắc rối trong cõi đời.

32- Vắng trắng vắng vạc giữa trời (449) Nhẹ nhàng nghiệp trước, đền bồi duyên sau. (2690)

Vắng trắng: Là trắng sáng trên bầu trời, và cũng là lý tưởng cao đẹp trong lòng người.

Nghiệp: Gồm nghiệp nhân và nghiệp quả, là những hành động và kết quả của những hành động ấy trên các phương diện thân, khẩu và ý của ta trong quá khứ, hiện tại và cả tương lai.

Duyên: Là bốn loại điều kiện để nhân thành quả.

33- Trông người lại ngẫm đến ta (417) Tu là cội phúc, tình là dây oan. (2658)

Ngẫm: Suy đi nghĩ lại một cách kỹ càng cẩn thận.

Cội phúc: Cái gốc của hạnh phúc.

Dây oan: Sợi dây ràng buộc mình vào những khó khăn, oan nghiệt.

**34- Kiếp tu xưa ví chưa dày (407)
Lòng nào còn tưởng có rày nữa không? (3038)**

Kiếp tu: Cuộc đời tu tập.

Ví: Nếu như.

Rày: Lúc này, bây giờ.

**35- Thuyền vừa đổ bến thành thoi (2137)
Biết đường khinh trọng, biết lời phải chẳng. (2686)**

Khinh trọng: Biết phân biệt nhẹ hay nặng, đáng hay không.

Phải chẳng: Nhận thức được cái gì là đúng, cái gì là sai.

**36- Một tường tuyết chở sương che (367)
Lời sư đã dạy ắt thì chẳng sai. (2414)**

Tuyết chở sương che: Che chở cho khỏi bị lạnh vì sương, tuyết hay là được bảo vệ khỏi bị tác động tiêu cực từ những yếu tố bên ngoài.

Ắt: Chắc chắn đúng, không thể sai.

**37- Chung quanh vẫn đất nước nhà (153)
Khi xem hoa nở, khi chờ trăng lên. (3224)**

**38- Một lời nói chưa kịp thưa (119)
Trăm bay nhặt khói, gió đưa lay rèm. (2852)**

Chưa: Nghĩa là chưa.

**39- Thông minh vốn sẵn tính trời (29)
Mà trong lẽ phải, có người có ta. (3114)**

Tính trời: Tính cách, tài năng trời phú, đã có từ lúc sinh ra.

**40- Hoa cười ngọc thốt đoan trang (21)
Lòng kia giữ được thường thường mãi không? (1338)**

Hoa cười ngọc thốt: Nụ cười tươi như hoa, tiếng nói trong như ngọc.

Đoan trang: Đúng đắn, ngay thẳng và tươm tất.

**41- Vàng trắng vàng vặc giữa trời (449)
Cội nguồn cũng ở lòng người mà ra. (2656)**

Vàng trắng: Là trắng sáng trên bầu trời, và cũng là lý tưởng cao đẹp trong lòng người.

Cội nguồn: Cây có cội, nước có nguồn. Ở đây nói gốc rễ và nguồn cơn của những gì xảy đến với ta đều xuất phát từ chính tự tâm của ta.

42- Còn non còn nước còn dài (557)

Non vàng chưa dễ đền bồi tấm thương. (2346)

Non vàng: Một núi vàng.

Đền bồi: Đền là bù đắp lại cho đầy đủ những gì còn thiếu. Bồi là làm cho trọn vẹn những gì chưa đủ đầy. Nghĩa cả hai chữ là khả năng báo đáp lại, trao trả lại cho tương xứng những gì đã nhận được.

Tấm thương: Tấm lòng thương yêu.

43- Gương trong chẳng chút bụi trần (3173)

Sen vàng lãng đẵng như gần như xa. (190)

Gương trong: Chỉ một nội tâm trong sáng.

Bụi trần: Những bụi bặm của cuộc đời. Ý nói những tiêu cực, khổ đau và ràng buộc trong cuộc đời.

Sen vàng: Chỉ bàn chân nhỏ nhắn và tiếng bước chân nhẹ nhàng thanh thoát như những cánh sen vàng (rơi xuống nền cỏ xanh).

Lãng đẵng: Khi tỏ khi mờ, khi ẩn khi hiện, khi có khi không, khi gần khi xa.

44- Khi hương sớm, khi trà trưa (1297)
Gió trắng mát mặt muối dưa chay lòng. (2734)

Chay: Thanh lọc, làm cho nhẹ nhàng, làm cho sạch sẽ, thuần nhất.

45- Gửi thân được chốn am mây (2053)
Dừng chân gạn chút niềm tây gọi là. (316)

Gửi thân: Gửi gắm sinh mệnh của mình vào một nơi nào đó. Ở đây ý nói đã quay về nương tựa Tam Bảo.

Am mây: Một cái am tranh ở giữa không gian mênh mông mây phủ, ý chỉ chỗ ở của người tu.

Gạn: Gặng hỏi, hỏi kỹ, trút hết.

Niềm tây: Nỗi niềm riêng ở trong lòng mình.

46- Trong cơ thanh khí tương tâm (2883)
Vàng gieo ngấn nước, cây lồng bóng sân. (174)

Cơ: Sự vận hành của thiên nhiên.

Thanh khí tương tâm: Xuất phát từ câu “đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu”, nghĩa là, vật cùng tiếng thì đáp lại nhau, vật cùng năng lượng thì tìm đến nhau. Ý nói người có ưa thích giống nhau thì thường tìm đến nhau mà thân cận.

Vàng gieo ngấn nước: Bóng trắng vàng lung linh trên mặt nước.

Cây lồng bóng sân: Bóng cây đổ dài ở ngoài sân.

47- Gìn vàng giữ ngọc cho hay (545)
Ngọn đèn khêu nguyệt, tiếng chày nện sương. (2058)

Gìn vàng giữ ngọc: Giữ gìn thân thể quý như vàng, như ngọc.

Ngọn đèn khêu nguyệt: Thức khuya đọc sách, tim đèn cháy sáng có hình của con trăng lưỡi liềm.

Tiếng chày nện sương: Dậy sớm, ta thỉnh chuông đại hồng mà giống như đang nện vào đám sương mù.

48- Gửi thân được chốn am mây (2053)
Tắc riêng như cát, gánh đây đồ đi. (2424)

Gửi thân: Gửi gắm sinh mệnh của mình vào một nơi nào đó. Ở đây ý nói đã quay về nương tựa Tam Bảo.

Am mây: Một cái am tranh ở giữa không gian mênh mông mây phủ, ý chỉ chỗ ở của người tu.

Tắc riêng: Tâm sự ở trong lòng mình.

49- So dần dây vũ dây văn (471)
Hương đèn việc cũ, trai phòng quen tay. (2056)

So: Điều chỉnh cho phù hợp.

Dây vũ dây văn: Dây đàn to và dây đàn nhỏ.

Hương đèn: Việc chăm sóc ban thờ Tam Bảo, thường xuyên thắp hương và giữ cho đèn dầu luôn sáng.

Trai phòng: Tức trai đường, phòng ăn ở trong chùa.

50- Tiếng sen sẽ động giấc hòe (437)
Nhạc vàng đầu đã tiếng nghe gần gần. (134)

Tiếng sen: Tiếng bước chân nhẹ nhàng thanh thoát như cánh hoa sen (rơi xuống nền cỏ xanh).

Sẽ: Khẽ khàng, nhẹ nhàng.

Giấc hòe: Giấc ngủ dưới cây hòe. Ý nói một giấc ngủ nhẹ nhàng, thanh thản, có mơ đẹp.

Nhạc vàng: Tiếng nhạc leng keng từ chiếc lục lạc làm bằng vàng nơi cổ ngựa.

51- Phong sương được vẽ thiên nhiên (399)
Khói trầm cao thấp, tiếng huyền gần xa. (3198)

Phong sương: Gió và sương, ý nói sức chịu đựng của cây tùng trước những điều kiện khắc nghiệt của thiên nhiên.

Tiếng huyền: Tiếng đàn.

52- Nạn xưa trút sạch lâu lâu (2737)
Mười phần ta đã tin nhau cả mười. (1584)

Trút sạch: Buông bỏ hết, rửa sạch hết, chuyển hóa được rồi.

Lâu lâu: Sạch sẽ không còn dấu vết.

53- Được lời như cởi tấm lòng (353)
Đã tin điều trước ắt nhằm việc sau. (2410)

Cởi: Tháo gỡ tự do, nhẹ nhàng thanh thản.

Ắt nhằm: Chắc chắn đúng, không thể sai.

54- Long lanh đáy nước in trời (1603)
Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông. (2748)

Đáy nước in trời: Khi không mây, bầu trời xanh phản chiếu toàn vẹn dưới đáy nước.

Gió đông: Gió từ phương đông thổi lại, mang theo hơi ẩm của mùa xuân.

55- Tạ lòng lạy trước sân mây (2379)
Muối dưa đắp đổi tháng ngày thông dong. (2054)

Tạ lòng: Đáp đền lại với lòng biết ơn.

Sân mây: Sân ở cung điện nhà vua, có vẻ mây.

Muối dưa đắp đổi: Những bữa ăn đơn sơ thanh đạm với muối và dưa. Ý chỉ một đời sống ít ham muốn và biết đủ nhưng thông dong, hạnh phúc.

**56- Nghe tường ngành ngon tiêu hao (2927)
Giác Duyên đầu bông tìm vào tới nơi. (2974)**

Tường: Một cách rõ ràng, đầy đủ, không nhầm lẫn.

Ngành ngon: Đầu đuôi, chi tiết, đầy đủ và tường tận về một sự việc.

Tiêu hao: Tin tức.

**57- Nẻo xa mới tỏ mặt người (141)
Duyên ta mà cũng phúc trời chi không. (2694)**

Tỏ: Nhìn thấy rõ.

Duyên: Là bốn loại điều kiện để nhân thành quả.

Chi không: Có chút gì chớ chẳng phải là hoàn toàn không có.

**58- Giật mình thoát tỉnh giấc mai (2727)
Nước non luống những lắng tai Chung Kỳ. (464)**

Giấc mai: Giấc ngủ mê lúc ban mai.

Luống những: Luôn luôn mong muốn, luôn luôn sẵn sàng.

Chung Kỳ: Chung Tử Kỳ, bạn tri âm của Bá Nha, nghe tiếng đàn mà hiểu tâm sự của bạn.

**59- Dấu rằng vật đổi sao dời (3087)
Còn vầng trăng bạc, còn lời nguyện xưa. (3074)**

Vật đổi sao dời: Xuất phát từ câu “Vật hoán tinh di” nghĩa là vạn vật luôn thay đổi, các vì sao luôn di chuyển, ý nói mọi vật thay đổi không ngừng.

Vầng trăng bạc: Là nhân chứng cho những lời thề nguyện.

**60- Những là rày ước mai ao (3069)
Dưới dày có đất trên cao có trời. (3086)**

Những là: Sự lặp đi lặp lại nhiều lần.

Rày ước mai ao: Những ao ước, mong chờ từ ngày này qua ngày khác.

**61- Lấy tình thâm trả nghĩa thâm (2683)
Một lời quyết hẳn muôn phần kính thêm. (3174)**

Thâm: Sâu.

Nghĩa: Lối xử sự phù hợp với đạo lý, có trách nhiệm, công bằng và theo lẽ phải.

**62- Nghe tin nở mắt nở mày (2993)
Hoa chào ngô hạnh, hương bay dậm phần. (2862)**

Nở mắt nở mày: Sự vui mừng, hân hoan và mãn nguyện hiện rõ ra trong ánh mắt, nơi nét mặt.

Ngô hạnh: Con đường ở trong Hạnh Viên, chỗ nhà vua tiếp đãi các vị tiến sĩ mới.

Dậm phần: Đường về quê hương. Phần: cây phần, thường dùng để chỉ quê hương.

**63- Trùng sinh ân nặng bể trời (3049)
Tái sinh trần tạ ơn người từ bi. (3032)**

Trùng sinh: Sinh ra thêm một lần nữa. Cha mẹ sinh ra ta lần thứ nhất, người cứu ta sống lại từ cái chết là người sinh ra ta lần thứ hai.

Bể trời: Sâu hơn biển, cao hơn trời.

Trần tạ: Bày tỏ lòng biết ơn.

**64- Áo xanh đối lấy cà sa (1921)
Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài. (3252)**

Áo xanh: Xuất phát từ “thanh y”, xiêm áo đẹp của người phụ nữ.

Cà sa: Xuất phát từ “Kasàya”, áo hoại sắc, là pháp phục của người xuất gia tu Phật.

65- Khen cho con mắt tinh đời (2201)

Non vàng chưa dễ đền bồi tấm thương. (2346)

Tinh đời: Sự tinh anh sáng suốt và nhạy bén trong việc nhận xét, đánh giá con người và việc đời.

Non vàng: Một núi vàng.

Đền bồi: Đền là bù đắp lại cho đầy đủ những gì còn thiếu. Bồi là làm cho trọn vẹn những gì chưa đủ đầy. Nghĩa cả hai chữ là khả năng báo đáp lại, khả năng trả lại cho tương xứng những gì đã nhận được.

Tấm thương: Tấm lòng thương yêu.

66- Cửa sài vừa ngỏ then hoa (529)

Nhớ lời nói những bao giờ hay không? (2276)

Cửa sài: Cửa hai cánh được ghép lại từ nhiều mảnh gỗ hoặc thanh củi.

Ngỏ: Mở ra.

Then: Then cửa.

Những bao giờ: Nghĩa là ngày xưa, lúc trước.

**67- Sớm khuya lá bối phước mây (2057)
Đi về này những lối này năm xưa. (2752)**

Lá bối: Một loại lá ngày xưa dùng để chếp kinh.

Phước mây: Lá phước có tua hình đám mây, lá cờ to hình chữ nhật dài, thường treo trước chùa.

**68- Gửi thân được chốn am mây (2053)
Nước non lưỡng những lắng tai Chung Kỳ. (464)**

Gửi thân: Gửi gắm sinh mệnh của mình vào một nơi nào đó. Ở đây ý nói đã quay về nương tựa Tam Bảo.

Am mây: Một cái am tranh ở giữa không gian mênh mông mây phủ, ý chỉ chỗ ở của người tu.

Lưỡng những: Luôn luôn mong muốn, luôn luôn sẵn sàng.

Chung Kỳ: Chung Tử Kỳ, bạn tri âm của Bá Nha, nghe tiếng đàn mà hiểu tâm sự của bạn.

**69- Sẵn Quan Âm các vườn ta (1913)
Rõ ràng mở mắt còn ngờ chiêm bao. (3014)**

Quan Âm các: Một lầu gác, bên trên tôn trí thờ phụng ảnh tượng Bồ tát Quan Thế Âm.

Ngờ: Thấy mà không tin vào mắt mình, nghe mà không tin vào tai mình.

**70- Thân ta, ta phải lo âu (2015)
Cơ duyên nào đã hết đâu, vội gì? (2412)**

Cơ duyên: Cơ: cơ hội. Duyên: điều kiện. Những cơ hội và điều kiện thuận lợi để thực hiện một việc nào đó.

**71- Sự rằng: Song chẳng hề chi (2679)
Thảo am đó cũng gần kề chẳng xa. (2990)**

Thảo am: Am tranh, chùa tranh.

**72- Cho hay giọt nước cành dương (1931)
Lời lời châu ngọc hàng hàng gấm thêu. (1316)**

Giọt nước cành dương: Giọt nước cam lồ từ cành dương liễu của đức Bồ tát Lăng Nghe Quan Thế Âm.

**73- Mấy lời tâm phúc ruột rà (3183)
Từng cay đắng lại mặn mà hơn xưa. (1472)**

Lời tâm phúc: Lời nói từ lòng tin cậy. Tâm: là tim. Phúc: là bụng.

**74- Đã gần chi có điều xa (1365)
Tu là cội phúc, tình là dây oan. (2658)**

Chi có điều: Làm gì có thể có chuyện.

Cội phúc: Cái gốc của hạnh phúc.

Dây oan: Sợi dây ràng buộc mình vào những khó khăn, oan nghiệt.

**75- Lòng còn gửi áng mây vàng (1319)
Thênh thênh đường cái thanh vân hẹp gì! (2478)**

Mây vàng: Đám mây sắc vàng, chỉ quê nhà.

Thênh thênh: Rộng rãi, thênh thang.

Đường cái: Tức đường lớn, đường chính.

Thanh vân: Mây xanh, chỉ người đỗ đạt làm quan, có công danh.

**76- Lạ gì thanh khí lẽ hằng (1287)
Túc khiên đã rửa lâng lâng sạch rồi. (2688)**

Thanh khí: Tức “đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu”, những âm thanh và năng lượng tương ứng nhau sẽ tự tìm tới phù hợp với nhau.

Lẽ hằng: Là chuyện thường tình, là chuyện xưa nay đều như thế.

Túc khiên: Túc, nghĩa là thuộc về những đời trước. Khiên, nghĩa là những tội lỗi, sai lầm và ràng buộc.

Lâng lâng: Trạng thái tinh thần nhẹ nhàng, khoan khoái, dễ chịu, thanh thản.

77- Nghe tường ngành ngọn tiêu hao (2927)

Một cây gánh vác biết bao nhiêu cành. (674)

Tường: Một cách rõ ràng, đầy đủ, không nhầm lẫn.

Ngành ngọn: Đầu đuôi, chi tiết, đầy đủ và tường tận về một sự việc.

Tiêu hao: Tồn tức.

78- Trước sau cho vẹn một lời (2693)

Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông. (2748)

Vẹn: Trọn vẹn, không thiếu sót.

Gió đông: Gió từ phương đông thổi lại, mang theo hơi ấm của mùa xuân.

**79- Thừa công đức ấy ai bằng (2687)
Còn chen vào chốn bụi hồng làm chi? (3046)**

Thừa: Mảnh đất, ruộng.

Công đức: Việc tốt mình làm ra, để lại phúc đức cho người sau hưởng.

Bụi hồng: Bụi đỏ, ý chỉ những phiền muộn rắc rối trong cõi đời.

**80- Năm mây bỗng thấy chiếu trời (2947)
Nào lời non nước, nào lời sắt son. (1632)**

Năm mây: Chiếu vua, có vẽ mây năm sắc.

Chiếu trời: Chiếu của nhà vua.

Lời non nước: Lời thề nguyện, lời hứa. Người xưa thường nương tựa vào núi sông (non nước) để làm chứng cho lời thề nguyện của mình.

Sắt son: Tấm lòng thành. Sắt cứng và son đỏ.

**81- Sao cho muôn dặm một nhà (2435)
Mười lăm năm mới bây giờ là đây! (3138)**

82- Gió quang mây tạnh thanh thoi (2063)

Bể oan đường đã với với cạnh lòng. (2420)

Quang: Trời sáng sủa, không có mây.

Tạnh: Hết mưa gió.

Bể oan: Nỗi oan ức đau khổ lớn như biển.

83- Một lòng chẳng quản mấy công (2701)

Triều dâng hôm sớm, mây lồng trước sau. (2736)

Quản: Lo lắng, tính toán, sắp xếp.

Triều dâng hôm sớm: Mỗi ngày thường có hai lần thủy triều, buổi mai và buổi hôm.

Mây lồng trước sau: Một không gian mà trước và sau đều lồng lộng mây bay.

84- Giật mình thoát tỉnh giấc mai (2727)

Còn vầng trăng bạc, còn lời nguyện xưa. (3074)

Giấc mai: Giấc ngủ mê lúc ban mai.

Vầng trăng bạc: Là nhân chứng cho những lời thề nguyện.

**85- Kệ kinh câu cũ thuộc lòng (2055)
Tấn Dương được thấy mây rồng có phen. (2196)**

Tấn Dương: Xuất phát từ “Long phi Tấn Dương”, nghĩa là Rồng bay lên ở Tấn Dương. Ý nói Kiều gặp Từ Hải như thể đang được gặp vua.

Mây rồng: Xuất phát từ “Long vân khánh hội”, nghĩa là mây rồng gặp nhau, biểu tượng cho sự gặp gỡ may mắn và cát tường.

Phen: Lần, dịp, cơ hội.

**86- Thấy màu ăn mặc nâu sồng (2039)
Giá đành tú khẩu cẩm tâm khác thường. (208)**

Màu ăn mặc: Năng lượng tỏa ra từ cách ăn mặc.

Nâu sồng: Chỉ quần áo của người tu, được may từ vải nhuộm bằng củ nâu và củ sồng.

Tú khẩu cẩm tâm: Nghĩa là lòng gấm miệng vóc, gấm và vóc là những loại vải đẹp quý. Ý nói những lời hay ý đẹp xuất phát từ một tâm hồn thiện lành.

**87- Trời đông vừa rạng ngàn dâu (2033)
Duyên xưa chưa dễ biết dâu chốn này. (2738)**

Trời đông: Mặt trời ở phương đông.

Rạng: Sáng tỏ.

Ngàn dâu: Rừng dâu.

Duyên: Là bốn loại điều kiện để nhân thành quả.

**88- Thiên trà cạn nước hồng mai (1991)
Cội nguồn cũng ở lòng người mà ra. (2656)**

Hồng mai: Nước trà nấu bằng gỗ của thân cây mai già.

Cội nguồn: Cội nguồn, gốc rễ.

**89- Góc kinh viện sách đôi nơi (1937)
Biết đường khinh trọng, biết lời phải chăng. (2686)**

Khinh trọng: Biết phân biệt nhẹ hay nặng, đáng hay không.

Phải chăng: Nhận thức được cái gì là đúng, cái gì là sai.

**90- Được lời như mở tắc son (1601)
Phải dò cho đến ngọn nguồn lạch sông. (1332)**

Tắc son: Tấm lòng chân thành. Son được làm bằng một thứ đá đỏ.

Lạch: Rạch, dòng nước nhỏ chảy thông.

91- Thương nhau xin nhớ lời nhau (1515)

Vào luồn ra cúi công hầu mà chi? (2468)

Công hầu: Tước công và tước hầu. Ý nói tham vọng chạy theo danh lợi một cách mù quáng.

92- Huệ lan sức nức một nhà (1471)

Có cây trăm thước, có hoa bốn mùa (1914)

Huệ lan: Là hoa huệ và hoa lan, hai loại hoa thơm. Ý nói cảnh gia đình đoàn tụ sum họp ấm êm hạnh phúc.

Cây trăm thước, hoa bốn mùa: Xuất phát từ câu: “Bồ đề bách xích thụ, liên tòa tứ thời hoa”, nghĩa là cây bồ đề cao trăm thước, hoa tòa sen nở bốn mùa. Ý nói trong nhà có sự học tập, phụng sự và hành trì giáo pháp mỗi ngày.

93- Chở che đùm bọc thiếu chi (3185)

Vườn xuân một thửa để bia muôn đời. (3240)

Chở che: Chở là sự nâng đỡ khỏi những nặng nề, vướng mắc từ phía dưới. Che là sự ngăn chặn những trở ngại từ phía trên. Ý chỉ sự giúp đỡ và bao bọc một cách toàn diện.

Đùm bọc: Đùm nghĩa là gói tạm và buộc túm lại phía trên. Bọc nghĩa là gói kín chung quanh không có khe hở. Đùm bọc

có nghĩa là yêu thương giúp đỡ và chăm sóc người nào đó một cách hết lòng và không thiếu sót.

Thiếu chi: Không thiếu, rất nhiều.

Vườn xuân một thửa: Một mảnh vườn đẹp, một khu vườn mùa xuân.

Để bia: Được khắc lên bia đá để lại cho đời sau. Ý nói được ghi nhớ và trân trọng lâu dài.

94- Khi gió gác, khi trăng sân (1295)

Thênh thênh đường cái thanh vân hạp gì? (2478)

Gió gác: Một căn gác có gió mát.

Trăng sân: Một khoảnh sân ngập ánh trăng.

Thênh thênh: Rộng rãi thênh thang.

Đường cái: Tức đường lớn, đường chính.

Thanh vân: Mây xanh, chỉ người đỗ đạt làm quan, có công danh.

95- Tình sâu mong trả nghĩa dày (1263)

Muối dưa đắp đổi tháng ngày thông dong. (2054)

Nghĩa: Lối xử sự phù hợp với đạo lý, có trách nhiệm, công bằng và theo lẽ phải.

Muối dưa đắp đôi: Những bữa ăn đơn sơ thanh đạm với muối và dưa. Ý chỉ một đời sống ít ham muốn và biết đủ nhưng thông dong, hạnh phúc.

96- Lấy trong ý tứ mà suy (1089) Sao cho thoát khỏi nữ nhi thường tình. (2220)

Ý tứ: Ý là tính cách, là suy nghĩ. Tứ là cách biểu đạt tính cách và suy nghĩ ấy qua lời nói, hành động và ánh mắt. Ý tứ nghĩa là những ý nghĩ, những tư tưởng kín đáo. Ý tứ cũng có nghĩa là sự cẩn trọng, khéo léo trong cách nói năng, hành động và cư xử để tránh lỗi lầm và sơ suất.

Nữ nhi thường tình: Chỉ những khía cạnh tiêu cực trong tính cách người phụ nữ.

97- Rằng trong ngọc đá vàng thau (1583) Dạy đem pháp bảo sang hầu sư huynh. (2046)

Ngọc đá vàng thau: Ngọc khác với đá, vàng khác với đồng. Ý nói khả năng phân biệt tốt xấu, đúng sai, nặng nhẹ trong cách đối nhân xử thế.

Pháp bảo: Những thứ quý giá của nhà chùa, kể cả những giáo lý của Phật và những pháp khí (vật dụng) khác như kinh sách, chuông mõ...

Hầu: Thăm viếng, chăm sóc, hỏi han và nương tựa.

Sư huynh: Người có vai vế và phẩm hạnh lớn hơn mình trong đạo.

98- Khúc đầu đầm ấm dương hòa (3199)

Câu thần lại mượn bút hoa vẽ vời. (204)

Khúc: Bản nhạc, tiếng đàn.

Dương hòa: Khí trời ấm áp vào mùa xuân.

Câu thần: Câu thơ hay một cách thần thánh.

Bút hoa: Nét bút xuất sắc, nét chữ đạt tới chỗ tinh hoa.

99- Công tư vẹn cả hai bề (2479)

Chuyện muôn năm cũ kể chi bây giờ? (3078)

Công tư: Việc chung và việc riêng.

Vẹn: Trọn vẹn, không thiếu sót.

Bề: Phương diện, lĩnh vực.

Chuyện muôn năm cũ: Tức chuyện xưa.

100- Gương trong chẳng chút bụi trần (3173)
Một nhà ai cũng lạ lòng khen lao. (3218)

Gương trong: Chỉ một nội tâm trong sáng.

Bụi trần: Những bụi bặm của cuộc đời. Ý nói những tiêu cực, khổ đau và ràng buộc trong cuộc đời.

Khen lao: Khen ngợi rất nhiều.

101- Trời còn để có hôm nay (3121)
Của tin gọi một chút này làm ghi. (356)

Của tin: Vật để làm tin.

Làm ghi: Làm vật ghi nhớ, kỷ niệm.

102- Trùng sinh ân nặng bể trời (3049)
Mà lòng trọng nghĩa khinh tài xiết bao! (310)

Trùng sinh: Sinh ra thêm một lần nữa. Cha mẹ sinh ra ta lần thứ nhất, người cứu ta sống lại từ cái chết là người sinh ra ta lần thứ hai.

Bể trời: Sâu hơn biển, cao hơn trời.

Trọng nghĩa khinh tài: Coi lẽ phải và ân tình nặng hơn tiền bạc.

Xiết bao: Nhiều tới mức không thể nào nói cho hết được.

103- Sự đời đã tắt lửa lòng (3045) Sen vàng lãng đàng như gần như xa. (190)

Sự đời: Việc đời, chuyện đời. Ý nói những nhiều khê, những thị phi và những ràng buộc trong cuộc đời.

Lửa lòng: Những ngọn lửa ở trong lòng, ý nói có một nguồn năng lượng, một động lực lớn trong lòng.

Sen vàng: Chỉ bàn chân nhỏ nhắn và tiếng bước chân nhẹ nhàng thanh thoát như những cánh sen vàng (rơi xuống nền cỏ xanh).

Lãng đàng: Khi tỏ khi mờ, khi ẩn khi hiện, khi có khi không, khi gần khi xa.

104- Những là sen ngó đào tơ (3137) Màu thiên ăn mặc đã ứa nâu sồng. (3044)

Những là: Sự lặp đi lặp lại nhiều lần.

Sen ngó đào tơ: Người con gái trẻ tuổi, như ngó sen, như cây đào còn non.

Màu thiên: Màu sắc của nhà chùa, ý nói đã thấm tương chao, trong lời ăn tiếng nói và suy nghĩ đã có phong vị của thiên.

Ưa: Nghĩa là thích thú, cũng có nghĩa là phù hợp.

Nâu sồng: Chỉ quần áo của người tu, được may từ vải nhuộm bằng củ nâu và củ sồng.

105- Mùi thiền đã bén muối dưa (3043)
Gà vừa gáy sáng, trời vừa rạng đông. (3216)

Mùi thiền: Tức “thiền vị”, phong cách và phẩm chất thiền đã toát ra được từ cách ăn nói, sinh hoạt và hành xử.

Bén: Nghĩa là thấm và chuyển tải được.

Muối dưa: Hai món ăn thường ngày của nhà chùa. Chỉ nếp sống đơn giản, thanh đạm và hạnh phúc của nhà chùa.

106- Nhớ lời lập một am mây (3227)
Ở trong đường có hương bay ít nhiều. (122)

Am mây: Chỉ một am tranh giữa không gian mênh mông mây phủ, chỗ người tu ở.

107- Gửi thân được chốn am mây (2053)
Tan sương đầu ngõ vén mây giữa trời. (3122)

Gửi thân: Gửi gắm sinh mệnh của mình vào một nơi nào đó. Ở đây ý nói đã quay về nương tựa Tam Bảo.

Am mây: Chỉ một am tranh giữa không gian mênh mông mây phủ, chỗ người tu ở.

Tan sương, vén mây: Làm cho màn sương mù mịt tan ra, quét sạch màn mây dày đặc để có thể thấy rõ những gì ở gần

(đầu gối) và cả những gì ở xa (giữa trời), ở bên trong và cả bên ngoài. Ở đây ý nói khả năng đối diện và xử lý những tiêu cực, những mâu thuẫn và những nhiều khê của cuộc đời, của con người.

108- Bây giờ tình mới tỏ tình (1809)
Thôi thì đẹp nỗi bất bình là xong! (1464)

Tỏ: Thấy rõ, nhìn rõ.

Tình tỏ tình: Dùng tình để nhìn rõ tình, giống như dùng thân để quán thân, dùng thọ để quán thọ.

Nỗi bất bình: Nỗi oan, nỗi khổ, những năng lượng tiêu cực dồn nén lâu ngày trong lòng.

109- Chở che đùm bọc thiếu chi (3185)
Lời sư đã dạy ắt thì chẳng sai! (2414)

Chở che: Chở là sự nâng đỡ khỏi những nặng nề, vướng mắc từ phía dưới. Che là sự ngăn chặn những trở ngại từ phía trên. Ý chỉ sự giúp đỡ và bao bọc một cách toàn diện.

Đùm bọc: Đùm nghĩa là gói tạm và buộc túm lại phía trên. Bọc nghĩa là gói kín chung quanh không có khe hở. Đùm bọc có nghĩa là yêu thương giúp đỡ và chăm sóc người nào đó một cách hết lòng và không thiếu sót.

Thiếu chi: Không thiếu, rất nhiều.

Ắt: Chắc chắn.

**110- Tình xưa ơn trả nghĩa đền (2865)
Ấm sao hạt ngọc Lam Điền mới đông. (3204)**

Nghĩa: Lối xử sự phù hợp với đạo lý, có trách nhiệm, công bằng và theo lẽ phải.

Lam Điền: Nơi có tiếng là sản xuất ngọc quý.

Mới đông: (Ngọc) Vừa mới tượng hình.

**111- Bồi lòng tạc đá ghi vàng (2855)
Sớm khuya tiếng hạc tiếng đàn tiêu dao. (2876)**

Tạc đá ghi vàng: Khắc vào đá, ghi vào vàng.

Tiêu dao: Vui chơi đây đó với tâm hồn thanh thoi không vướng bận chuyện đời. Khả năng an nhàn, tự tại, không bó buộc.

**112- Cửa trời rộng mở đường mây (2861)
Sao cho trong ấm thì ngoài mới êm! (1506)**

Cửa trời: Triều đình, công sở, cơ quan, nơi làm việc.

Đường mây: Đường làm quan, đường công danh sự nghiệp.

**113- Vội về sửa chốn vườn hoa (2821)
Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài. (3252)**

Sửa: Điều chỉnh, vun xới, chăm sóc và làm cho tươi tốt.

Chốn vườn hoa: Là khu vườn an ổn riêng của một người, và cũng là vườn tâm của người ấy.

**114- Nạn xưa trút sạch làu làu (2737)
Xưa sao sầu thảm, nay sao vui vầy? (3208)**

Trút sạch: Buông bỏ hết, rửa sạch hết, chuyển hóa được rồi.

Làu làu: Thông suốt, không còn gì vướng víu.

Vui vầy: Niềm vui đoàn tụ.

**115- Bốn bề bát ngát mệnh môn (2735)
Khẩu đầu lay tạ cao thâm nghìn trùng. (3180)**

Bề: Hướng, phương diện, lĩnh vực.

Bát ngát: Rộng lớn mệnh môn đến mức tâm mắt không thể nào bao quát hết được.

Khẩu đầu: Cúi đầu xuống một cách cung kính.

Lay tạ: Lay xuống với lòng biết ơn.

Cao thâm nghìn trùng: Ôn cha cao hơn núi, nghĩa mẹ sâu hơn biển, nghìn trùng cũng không đo lường được.

**116- Thấy nhau mừng rỡ trăm bề (2731)
Thảo am đó cũng gần kề chẳng xa. (2990)**

Bề: Hướng, phương diện, lĩnh vực.

Thảo am: Am tranh, chùa tranh.

**117- Đã nguyên hai chữ đồng tâm (555)
Trước sau trọn vẹn, xa gần ngợi khen (2910)**

Đồng tâm: Cùng một lòng.

**118- Độ sinh nhờ đức cao dày (3055)
Tan sương đầu ngõ vén mây giữa trời. (3122)**

Độ sinh: Đưa chúng sinh vượt qua bể khổ, sang bến bờ thông dong.

Tan sương, vén mây: Làm cho màn sương mù mịt tan ra, quét sạch màn mây dày đặc để có thể thấy rõ những gì ở gần (đầu ngõ) và cả những gì ở xa (giữa trời), ở bên trong và cả bên ngoài. Ở đây ý nói khả năng đối diện và xử lý những tiêu cực, những mâu thuẫn và những nhiều khô của cuộc đời, của con người.

**119- Rằng trong tác hợp cơ trời (3063)
Mà trong lẽ phải có người có ta! (3114)**

Tác hợp cơ trời: Ông trời khiến cho hai người cảm thấy hợp với nhau, lấy nhau. Cơ trời là sự vận hành mâu nhiệm của thiên nhiên.

**120- Còn non còn nước còn dài (557)
Dấu mòn bia đá dăm sai tác lòng. (772)**

Bia đá: Lời thề nguyện được khắc lên bia đá.

**121- Trong như tiếng hạc bay qua (481)
Từng cay đắng lại mặn mà hơn xưa. (1472)**

**122- Một lòng chẳng quản mấy công (2701)
Ở đây cửa Phật là không hẹp gì. (2076)**

Quản: Lo lắng, tính toán, sắp xếp.

**123- Song thu đã khép cánh ngoài (1073)
Nhờ tay tế độ vớt người trầm luân. (1080)**

Song thu: Cửa sổ mùa thu.

Tế độ: Tế là giúp đỡ đi qua khó khăn. Độ là cứu vớt đưa từ chỗ khổ đau sang bến bờ hạnh phúc.

Trầm luân: Trôi lăn chìm đắm trong khổ đau.

**124- Vầng trăng vằng vặc giữa trời (449)
Anh hùng đoán giữa trần ai mới già! (2202)**

Vầng trăng: Là trăng sáng trên bầu trời, và cũng là lý tưởng cao đẹp trong lòng người.

Đoán: Khả năng ra quyết định một cách dứt khoát, rõ ràng và sáng suốt khi mọi thứ còn chưa đi tới hồi kết.

Trần ai: Những bi thương, sầu muộn và trầm uất trong cuộc đời.

Già: Già dặn, chín chắn, giàu kinh nghiệm.

**125- Thương sao cho vẹn thì thương (1359)
Đem lời phương tiện mở đường hiếu sinh. (1750)**

Vẹn: Trọn vẹn, không thiếu sót.

Lời phương tiện: Lời nói khéo léo có thể giúp được người khác.

Đường hiếu sinh: Hiếu sinh nghĩa là trân quý sự sống. Đường hiếu sinh là con đường của Phật, con đường của tình thương và sự hiểu biết.

**126- Mấy lời tâm phúc ruột rà (3183)
Tương tri đường ấy mới là tương tri! (3184)**

Lời tâm phúc: Tâm là trái tim; Phúc là bụng, là gan ruột. Lời tâm phúc là những lời nói từ trái tim, từ gan ruột, từ lòng tin cậy.

Tương tri: Biết nhau, hiểu nhau.

**127- Đến bây giờ mới thấy đây (2281)
Mà lòng đã chắc những ngày một hai. (2282)**

Một hai: Thử ban đầu.

**128- Nỗi mừng biết lấy chi cân (3027)
Tuyết sương che chở cho thân cát đẳng. (902)**

Nỗi mừng: Nỗi niềm mừng vui, hân hoan hạnh phúc.

Lấy chi cân: Lớn quá không làm sao cân đo được.

Cát đảng: Cát, đảng là những loại dây leo, phải nhờ vào những cây to mà vươn lên cao. Ở đây chỉ thân phận những người vợ lẽ. Cũng có thể liên tưởng tới những người mới và non trong một lĩnh vực nào đó, giống như những người mới bắt đầu tu tập, cần nương tựa vào những người đi trước để thực tập và tiến bộ.

129- Có người khách ở viễn phương (67) Lửa lòng tưới tắt mọi đường trần duyên. (1932)

Khách viễn phương: Khách đến từ một nơi rất xa.

Lửa lòng: Những ngọn lửa ở trong lòng, ý nói có một nguồn năng lượng, một động lực lớn trong lòng.

Trần duyên: Trần là bụi bặm, là cõi đời. Trần duyên là những điều kiện tiêu cực lôi kéo và dẫn dắt ta về hướng bụi bặm và thế tục.

130- Cỏ non xanh tận chân trời (41) Nhẹ nhàng nghiệp trước, đèn bồi duyên sau. (2690)

Nghiệp: Gồm nghiệp nhân và nghiệp quả, là những hành động và kết quả của những hành động ấy trên các phương diện thân, khẩu và ý của ta trong quá khứ, hiện tại và cả tương lai.

Đèn bồi: Đèn là bù đắp lại cho đầy đủ những gì còn thiếu. Bồi là làm cho trọn vẹn những gì chưa đủ đầy. Nghĩa cả hai chữ là

khả năng báo đáp lại, khả năng trả lại cho tương xứng những gì đã nhận được.

Duyên: Là bốn loại điều kiện để nhân thành quả.

131- Những là nấn ná đợi tin (2945) Tĩnh ra mới biết là mình chiêm bao. (214)

Những là: Sự lặp đi lặp lại nhiều lần.

Nấn ná: Cố kéo dài thêm thời gian chờ đợi một cái gì đó không chắc sẽ đến.

132- Gác kinh viện sách đôi nơi (1937) Nào lời non nước, nào lời sắt son. (1632)

Sắt son: Tấm lòng thành. Sắt cứng và son đỏ.

Lời non nước: Lời thề nguyện, lời hứa. Người xưa thường nương tựa vào núi sông (non nước) để làm chứng cho lời thề nguyện của mình.

133- Chút riêng chọn đá thử vàng (2187) Thân này đã dễ mấy lần gặp tiên? (1704)

Chút riêng: Tấm lòng bé nhỏ. Một cách nói khiêm nhường về mong ước của mình.

Chọn đá thử vàng: Giữa rất nhiều quặng đất đá mới có thể lọc được ít vàng. Cũng vậy, giữa vạn người bình thường khó lắm mới tìm được người tốt.

Đã dễ: Rất khó, dễ gì.

134- Giọt rồng canh đã điểm ba (1865) Có dung kẻ dưới mới là lượng trên. (1540)

Giọt rồng: Giọt nước chảy xuống từ chậu nước bằng đồng có chạm hình rồng để đo thời gian.

Điểm ba: Tức đánh ba tiếng, chỉ canh ba, từ 11 giờ khuya đến 1 giờ sáng.

Dung: Nghĩa đen là chứa đựng được. Ở đây nói tới khả năng bao dung, độ lượng và che chở; khả năng ôm ấp, chấp nhận và tha thứ của người lớn đối với cả tài năng, đức hạnh và thiếu sót, lỗi lầm của người dưới.

Lượng trên: Tầm lòng độ lượng của người lớn.

135- Thương nhau xin nhớ lời nhau (1515) Biết đâu ấm lạnh biết đâu ngọt bùi! (1630)

Ấm lạnh, ngọt bùi: Chăm sóc từng miếng ăn, tấm áo cho cha mẹ.

136- Rằng trong ngọc đá vàng thau (1583)
Cười rằng: Tri kỷ trước sau mấy người! (2200)

Ngọc đá vàng thau: Ngọc khác với đá, vàng khác với đồng. Ý nói khả năng phân biệt tốt xấu, đúng sai, nặng nhẹ trong cách đối nhân xử thế.

Tri kỷ: Người hiểu mình.

137- Chút riêng chọn đá thử vàng (2187)
Biết đâu mà gửi can tràng vào đâu? (2188)

Chút riêng: Tấm lòng bé nhỏ. Một cách nói khiêm nhường về mong ước của mình.

Chọn đá thử vàng: Giữa rất nhiều quặng đất đá mới có thể lọc được ít vàng. Cũng vậy, giữa vạn người bình thường khó lắm mới tìm được người tốt.

Can tràng: Gan ruột, tấm lòng của mình.

138- Tấm thân rày đã nhẹ nhàng (2293)
Lòng đây lòng đấy chưa tường hay sao? (1362)

Rày: Lúc này, bây giờ.

Tường: Một cách rõ ràng, đầy đủ, không nhầm lẫn.

139- Cùng trong một tiếng tơ đồng (1855)

Đã tin điều trước ắt nhằm việc sau (2410)

Tiếng tơ đồng: Tiếng đàn.

Ắt: Chắc chắn.

140- Long lanh đáy nước in trời (1603)

Thấy trăng mà thẹn những lời non sông. (916)

Lời non sông: Tức là lời thề nguyện, lời hứa. Người xưa lấy non sông làm chứng cho những lời thề nguyện của mình.

141- Hoàng lương chợt tỉnh giấc mai (1715)

Trên đầu có bóng mặt trời rạng soi (1030)

Hoàng lương: Giấc kê vàng, giấc mộng.

Giấc mai: Giấc ngủ mê lúc ban mai.

142- Lấy tình thâm trả nghĩa thâm (2683)

Nước non để chữ tương phùng kiếp sau. (1786)

Nghĩa: Lối xử sự phù hợp với đạo lý, có trách nhiệm, công bằng và theo lẽ phải.

Tương phùng: Gặp lại nhau.

**143- Chắc rằng mai trúc lại vậy (1679)
Tắc riêng như cát, gánh đầy đồ đi. (2424)**

Mai trúc: Tình nghĩa thân thiết từ thuở bé. Mai và trúc thường được trồng gần nhau.

Tắc riêng: Tâm sự ở trong lòng mình.

Vậy: Gặp nhau, đoàn tụ.

Cát: Nghĩa là nâng lên, nhắc lên, đưa lên.

**144- Dưới đèn sẵn bức tiên hoa (2625)
Một màu quan tái bốn mùa gió trắng. (1596)**

Tiên hoa: Giấy viết thư, chép thơ.

Quan tái: Cửa ải nơi vùng biên giới xa xôi.

**145- Nghĩ đi nghĩ lại quanh co (2023)
Tắm son gột rửa bao giờ cho phai. (1042)**

Tắm son: Tắm lòng chân thành, sắt son.

**146- Tình sâu mong trả nghĩa dày (1263)
Chọn người tri kỷ một ngày được chẳng? (2428)**

Nghĩa: Lối xử sự phù hợp với đạo lý, có trách nhiệm, công bằng và theo lẽ phải.

Tri kỷ: Người hiểu mình.

**147- Sẵn sàng tề chỉnh uy nghi (2313)
Tắm riêng riêng những nặng vì nước non. (1330)**

Tắm riêng: Tắm tư sâu kín.

Tề chỉnh uy nghi: Đúng đắn, ngay thẳng, oai nghiêm và mẫu mực.

**148- Bấy lâu khăng khít dải đồng (1341)
Biển trầm luân lấp cho bằng mới thôi! (1104)**

Khăng khít: Sự gắn bó và liên quan mật thiết với nhau, không thể tách rời.

Dải đồng: Sợi dây hợp nhất hai tấm lòng lại với nhau.

Trầm luân: Trôi lăn chìm đắm trong khổ đau.

**149- Khi gió gác, khi trăng sân (1295)
Hoa xuân đương nhị ngày xuân còn dài. (1006)**

Gió gác: Một căn gác có gió mát.

Trăng sân: Một khoảnh sân ngập ánh trăng.

Hoa xuân đương nhị: Hoa xuân đang lúc mãn khai. Ý nói người đang ở độ tuổi thanh xuân đẹp nhất.

Ngày xuân: Nghĩa là những tháng ngày tuổi trẻ tươi xanh.

**150- Đêm xuân một giấc mơ màng (849)
Làm chi lỡ nhịp cho đàn ngang cung! (1460)**

Đàn ngang cung: Những tiếng đàn không ăn nhịp với nhau.

**151- Thương vì hạnh trọng vì tài (1469)
Sao cho trong ấm thì ngoài mới êm. (1506)**

Hạnh: Tính nết của một người, biểu lộ qua lời ăn tiếng nói và những cử chỉ trong đời sống hằng ngày.

**152- Công tư hai lẽ đều xong (1379)
Cát vàng còn nợ bụi hồng dặm kia. (1036)**

Công tư: Việc chung và việc riêng.

Bụi hồng: Bụi đỏ, ý chỉ những phiền muộn rắc rối trong cõi đời.

**153- Được lời như thế là may (1023)
Cành kia chẳng phải cội này mà ra? (1322)**

Cội: Nghĩa là gốc rễ.

154- Thân ta ta phải lo âu (2015)
Bồng đầu mua não chuốc sầu nghĩ nao? (236)

Não: Phiền muộn, sầu đau.

Chuốc: Tự nhận lấy mà không phải thực sự muốn.

Chuốc sầu: Tự làm khổ mình. *Chuốc:* phải nhận lấy ngoài ý muốn.

Nghĩ nao: Nghĩ như thế nào.

155- Chở che đùm bọc thiếu chi (3185)
Năm nay là một, nửa thì năm năm! (2408)

Chở che: Chở là sự nâng đỡ khỏi những nặng nề, vướng mắc từ phía dưới. Che là sự ngăn chặn những trở ngại từ phía trên. Ý chỉ sự giúp đỡ và bao bọc một cách toàn diện.

Đùm bọc: Đùm nghĩa là gói tạm và buộc túm lại phía trên. Bọc nghĩa là gói kín chung quanh không có khe hở. Đùm bọc có nghĩa là yêu thương giúp đỡ và chăm sóc người nào đó một cách hết lòng và không thiếu sót.

Thiếu chi: Không thiếu, rất nhiều.

Nửa thì: Hoặc là.

156- Phím đàn diu đặt tay tiên (3197)
Hoa Nô kia với Trạc Tuyền cũng tôi. (2344)

Tay tiên: Bàn tay gảy đàn một cách thuần thực và thoát tục như của tiên nữ.

Hoa Nô, Trạc Tuyền: Hoa Nô là tên tục của Kiều khi làm người hầu cho Hoạn Thư. Trạc Tuyền là pháp danh của Kiều khi tu tập ở Quan Âm các trong vườn của nhà Hoạn Thư.

157- Thiện căn ở tại lòng ta (3251)
Tương tri đường ấy mới là tương tri. (3184)

Thiện căn: Những hạt giống, những gốc rễ và những tiềm năng tốt đẹp, thiện lành ở trong tâm.

Tương tri: Thấu hiểu nhau, biết rõ nhau.

Đường ấy: Đến mức như thế.

158- Gương trong chẳng chút bụi trần (3173)
Khẩu đầu lay tạ cao thâm nghìn trùng. (3180)

Gương trong: Chỉ một nội tâm trong sáng.

Bụi trần: Những bụi bặm của cuộc đời. Ý nói những tiêu cực, khổ đau và ràng buộc trong cuộc đời.

Khẩu đầu: Cúi đầu xuống một cách cung kính.

Lạy tạ: Lạy xuống với lòng biết ơn.

Cao thâm nghìn trùng: Ổn cha cao hơn núi, nghĩa mẹ sâu hơn biển, nghìn trùng cũng không đo lường được.

159- Kệ kinh câu cũ thuộc lòng (2055)

Triều dâng hôm sớm, mây lồng trước sau! (2736)

Triều dâng hôm sớm: Mỗi ngày thường có hai lần thủy triều, buổi mai và buổi hôm.

Mây lồng trước sau: Một không gian mà trước và sau đều lồng lộng mây bay.

160- Một nhà sum họp sớm trưa (2733)

Trầm bay nhạt khói, gió đưa lay rèm. (2852)

161- Bốn bề bát ngát mệnh mông (2735)

Còn chen vào chốn bụi hồng làm chi? (3046)

Bề: Hướng, phương diện, lĩnh vực.

Bụi hồng: Bụi đỏ, ý chỉ những phiền muộn rắc rối trong cõi đời.

162- Đội trời đạp đất ở đời (2171)
Biết đường khinh trọng, biết lời phải chăng! (2686)

Đội trời đạp đất: Ý nói một lối sống và cách hành động tự do, ngang tàng, không thừa nhận và chịu khuất phục bất cứ một thứ nguyên tắc và uy quyền nào.

Khinh trọng: Biết phân biệt nhẹ hay nặng, đáng hay không.

Phải chăng: Nhận thức được cái gì là đúng, cái gì là sai.

163- Độ sinh nhờ đức cao dày (3055)
Cành kia chẳng phải cội này mà ra? (1322)

Độ sinh: Đưa chúng sinh vượt qua bể khổ, sang bến bờ thông dong.

Cội: Nghĩa là gốc rễ.

164- Chở che đùm bọc thiếu chi (3185)
Tấm riêng riêng những nặng vì nước non. (1330)

Chở che: Chở là sự nâng đỡ khỏi những nặng nề, vướng mắc từ phía dưới. Che là sự ngăn chặn những trở ngại từ phía trên. Ý chỉ sự giúp đỡ và bao bọc một cách toàn diện.

Đùm bọc: Đùm nghĩa là gói tạm và buộc túm lại phía trên. Bọc nghĩa là gói kín chung quanh không có khe hở. Đùm bọc có nghĩa là yêu thương, giúp đỡ và chăm sóc người nào đó một cách hết lòng và không thiếu sót.

Thiếu chi: Không thiếu, rất nhiều.

Tâm riêng: Tâm tư sâu kín.

Riêng những: Chỉ có, chỉ còn.

**165- Giật mình thoát tỉnh giấc mai (2727)
Rằng không thì cũng vâng lời rằng không. (1176)**

Giấc mai: Giấc ngủ mê lúc ban mai.

**166- Lòng riêng riêng những kính yêu (2369)
Những điều vàng đá phải điều nói không. (2814)**

Lòng riêng: Tâm tư sâu kín.

Riêng những: Chỉ có, chỉ còn.

Điều vàng đá: Những điều sâu kín trong lòng mà đem nói cho người mình thương nghe.

**167- Cửa thiền then nhặt lưới mau (1935)
Dạy đem pháp bảo sang hầu sư huynh. (2046)**

Cửa thiền: Tức cửa chùa.

Then nhặt lưới mau: Then nhặt nghĩa là then cửa cài chặt, lưới mau nghĩa là hàng rào khép kín. Ý nói không gian tu học được bảo hộ và giữ gìn nghiêm mật, tinh chuyên.

Pháp bảo: Những thứ quý giá của nhà chùa, kể cả những giáo lý của Phật và những pháp khí (vật dụng) khác như kinh sách, chuông mõ...

Hầu: Thăm viếng, chăm sóc, hỏi han và nương tựa.

Sư huynh: Người có vai vế và phẩm hạnh lớn hơn mình trong đạo.

168- Cho hay giọt nước cành dương (1931)

Vương sư dòm đã tỏ tường thực hư. (2506)

Giọt nước cành dương: Giọt nước cam lồ từ cành dương liễu của đức Bồ tát Lăng Nghe Quan Thế Âm.

Vương sư: Quân đội của triều đình.

Dòm: Nghĩa là nhìn lướt qua, trông thoáng qua.

169- Gác kinh viện sách đôi nơi (1937)

Non vàng chưa dễ đền bồi tấm thương! (2346)

Non vàng: Một núi vàng.

Đền bồi: Đền là bù đắp lại cho đầy đủ những gì còn thiếu. Bồi là làm cho trọn vẹn những gì chưa đủ đầy. Nghĩa cả hai chữ là khả năng báo đáp lại, khả năng trả lại cho tương xứng những gì đã nhận được.

Tấm thương: Tấm lòng thương yêu.

170- Nâu sông từ trở màu thiên (1933)
Dạn dày cho biết gan liên tướng quân. (2518)

Nâu sông: Chỉ quần áo của người tu, được may từ vải nhuộm bằng củ nâu và củ sồng.

Màu thiên: Màu sắc của nhà chùa, ý nói đã thấm tương chao, trong lời ăn tiếng nói và suy nghĩ đã có phong vị của thiên.

Dạn dày: Người từng trải, có nhiều kinh nghiệm và quen chịu đựng gian khổ, khó khăn trong cuộc sống hoặc công việc.

Gan liên tướng quân: Lòng dũng cảm của một vị tướng quân.

171- Tình xưa ân trả nghĩa đền (2865)
Sân thu trăng đã vài phen đứng đầu! (1934)

Nghĩa: Lối xử sự phù hợp với đạo lý, có trách nhiệm, công bằng và theo lẽ phải.

172- Thương sao cho vẹn thì thương (1359)
Xe hương nàng đã thuận đường quy ninh. (1606)

Vặn: Trộn vẹn, không thiếu sót.

Xe hương: Cỗ xe hương thơm. Ở đây chỉ cỗ xe của người phụ nữ quyền quý ngày xưa. Có thể liên tưởng tới sự thực tập năm phân tâm hương của người tu tập.

Quy ninh: Trở về nơi an ổn. Nghĩa xưa ý nói người con gái từ nhà chồng về thăm nhà cha mẹ đẻ. Ở đây có thể hiểu là khả năng quay về nương tựa nơi gốc rễ của mình để được an ổn.

173- Thấy màu ăn mặc nâu sồng (2039)

Ở đây cửa Phật là không hẹp gì! (2076)

Màu ăn mặc: Năng lượng tỏa ra từ cách ăn mặc.

Nâu sồng: Chỉ quần áo của người tu, được may từ vải nhuộm bằng củ nâu và củ sồng.

174- Tàng tàng trời mới bình minh (1917)

Chuông vàng khánh bạc bên mình giở ra. (2048)

Khánh: Cái chuông nhỏ cầm tay được dùng trong nhà chùa.

Tàng tàng: Trời vừa sáng.

Giở ra: Nghĩa là bày ra, mở ra.

175- Gửi thân được chốn am mây (2053)

Ngọn đèn khêu nguyệt, tiếng chày nện sương. (2058)

Gửi thân: Gửi gắm sinh mệnh của mình vào một nơi nào đó. Ở đây ý nói đã quay về nương tựa Tam Bảo.

Am mây: Một cái am tranh ở giữa không gian mênh mông mây phủ, ý chỉ chỗ ở của người tu.

Ngọn đèn khêu nguyệt: Thức khuya đọc sách, tim đèn cháy sáng có hình của con trăng lười liêm.

Tiếng chày nện sương: Dậy sớm, ta thỉnh chuông đại hồng mà giống như đang nện vào đám sương mù.

176- Mai cốt cách tuyết tinh thần (17) Khẩu đầu lay tạ cao thâm nghìn trùng. (3180)

Mai cốt cách: Hình dáng thanh tao như cành mai.

Tuyết tinh thần: Tấm lòng trong sáng như tuyết trắng.

Khẩu đầu: Cúi đầu xuống một cách cung kính.

Lay tạ: Lay xuống với lòng biết ơn.

Cao thâm nghìn trùng: Ôn cha cao hơn núi, nghĩa mẹ sâu hơn biển, nghìn trùng cũng không đo lường được.

177- Sư đà hái thuốc phương xa (3231) Gia đồng vào gởi thư nhà mới sang. (530)

Đà: Nghĩa là đã.

Gia đồng: Người giúp việc ở trong nhà.

178- Bể lau vạch cỏ tìm đi (3003)
Sự muôn năm cũ kể chi bây giờ. (3078)

Sự muôn năm cũ: Chuyện ngày xưa ngày xưa, lâu lắm rồi.

179- Sự đời đã tắt lửa lòng (3045)
Khéo thay gặp gỡ cũng trong chuyển vần. (2702)

Sự đời: Việc đời, chuyện đời. Ý nói những nhiều khê, những thị phi và những ràng buộc trong cuộc đời.

Lửa lòng: Những ngọn lửa ở trong lòng, ý nói có một nguồn năng lượng, một động lực lớn trong lòng.

Chuyển vần: Sự xoay vần, thay đổi ở trong thiên nhiên.

180- Người sao hiếu nghĩa đủ đường (2653)
Này thôi hết kiếp đoạn trường là đây! (2622)

Hiếu nghĩa: Có lòng kính cẩn với cha mẹ, thương yêu với anh em, bạn bè.

Đủ đường: Nghĩa là toàn diện, trọn vẹn, không thiếu sót ở bất kỳ phương diện nào.

Kiếp đoạn trường: Một đời sống nhiều khổ đau.

181- Ấy mới gan ấy mới tài (2005)
Thong dong nổi gót thư trai cùng về. (1992)

Thư trai: Phòng đọc sách.

182- Dịp đầu may mắn lạ đường (1291)
Đóa trà mi đã ngậm gương nửa vành. (1092)

Lạ đường: Rất lạ kỳ.

Ngậm gương nửa vành: Mặt trăng chỉ ló lên phân nửa.

183- Dưới trăng quyen đã gọi hè (1307)
Dần dà rồi sẽ liệu về cố hương. (2480)

Quyen: Chim tu hú.

Dần dà: Thử thả, từ từ.

Cố hương: Nơi chôn nhau cắt rốn, là quê cũ, nơi quê cha đất tổ.

184- Dẫu rằng sông cạn đá mòn (1975)
Lòng nào mà nở dứt lòng cho đang. (2816)

Cho đang: Cho đành.

**185- Gọi là trả chút nghĩa người (2785)
Dấu trong nguy hiểm dám đời ước xưa. (2256)**

Đời: Thay đổi, không giữ được ước hẹn xưa.

**186- Khi nên trời cũng chiều người (2689)
Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông. (2748)**

Chiều: Chịu theo, đáp ứng lại.

Khi nên: Gặp lúc thuận lợi.

Gió đông: Gió từ phương đông thổi lại, mang theo hơi ẩm của mùa xuân.

**187- Còn nhiều hưởng thụ về lâu (2723)
Biết đâu ấm lạnh biết đâu ngọt bùi. (1630)**

Ấm lạnh, ngọt bùi: Chăm sóc từng miếng ăn tấm áo cho cha mẹ.

**188- Non quê thuần vược bén mùi (1593)
Tắm lòng phớ mặc trên trời dưới sông. (2634)**

Non quê: Núi non quê nhà.

Thuần: Tên một loại rau. Vược: tên một loại cá.

Bén: Nghĩa là thắm và chuyển tải được.

Phó mặc: Phó thác và mặc tình.

**189- Vây nên những chốn thông dong (2663)
Đốt lò hương giờ phím đồng xưa. (2850)**

Phím đồng: Phím đàn làm bằng gỗ ngô đồng, ngụ ý chỉ cây đàn.

**190- Khi ăn ở lúc ra vào (2845)
Mừng mừng tủi tủi xiết bao là tình. (3016)**

Xiết bao: Nhiều không thể kể được.

**191- Bây giờ mới rõ tấm hơi (1873)
Đã mòn con mắt phương trời đăm đăm. (2248)**

Tấm hơi: Tin tức về một người nào đó.

Đăm đăm: Sự tập trung suy tư hướng về một nơi hay một người nào đó nơi xa xăm.

**192- Lầu mai vừa rúc còi sương (867)
Trông ra ác đã ngậm gương non đồi. (2650)**

Lầu mai: Chòi canh vào lúc buổi sáng.

Rúc: Kêu lên từng hồi dài.

Còi sương: Tiếng còi báo hiệu lúc buổi sáng.

Ác: Mặt trời.

Ngâm gương: Đã lặn xuống phân nửa.

Non đoài: Núi ở phía Tây.

193- Xem qua sứ mới dạy qua (2049)

Ấy là tình nặng ấy là ơn sâu. (1966)

194- Lại đây xem lại cho gần (2193)

Bóng hoa đầy đất, vẽ ngân ngang trời. (2062)

Bóng hoa: Ánh trăng chiếu xuống, in bóng những cành hoa lên mặt đất.

Vẽ ngân: Ánh sáng của dải ngân hà.

195- Chùa đâu trông thấy nẻo xa (2035)

Có dung kẻ dưới mới là lượng trên. (1540)

Dung: Nghĩa đen là chứa đựng được. Ở đây nói tới khả năng bao dung, độ lượng và che chở; khả năng ôm ấp chấp nhận và tha thứ của người lớn đối với cả tài năng, đức hạnh và thiếu sót, lỗi lầm của người dưới.

Lượng trên: Tấm lòng độ lượng của người lớn.

**196- Ở ăn thì nét cũng hay (1533)
Hẳn rằng mai có như vậy cho chăng. (1024)**

Nét: Tính tình, thói quen.

Vậy: Thế này.

**197- Khi ăn ở lúc ra vào (2845)
Xưa sao sâu thăm, nay sao vui vậy? (3208)**

Vui vậy: Niềm vui đoàn tụ.

**198- Một phen tri kỷ cùng nhau (3213)
Cơ duyên nào đã hết đâu, vội gì. (2412)**

Tri kỷ: Người hiểu mình.

Cơ duyên: Cơ: cơ hội. Duyên: điều kiện. Những cơ hội và điều kiện thuận lợi để thực hiện một việc nào đó.

**199- Một tay gây dựng cơ đồ (2463)
Khi xem hoa nở, khi chờ trăng lên. (3224)**

Cơ đồ: Sự nghiệp.

**200- Ai ngờ lại họp một nhà (3177)
Một thiên tuyệt bút gọi là để sau. (2626)**

Thiên tuyệt bút: Bài thơ rất xuất sắc, có khi là bài thơ cuối cùng của một danh nhân.

**201- Đường đường một đấng anh hào (2169)
Một cây gậy vác biết bao nhiêu càn! (674)**

Đường đường: Dáng dấp to lớn, oai vệ, ngay thẳng và uy nghiêm.

Đấng anh hào: Bậc tài trí hơn người.

**202- Thấy nhau mừng rỡ trăm bề (2731)
Ngày xuân lắm lúc đi về với xuân. (1294)**

Bề: Hướng, phương diện, lĩnh vực.

**203- Trong tay mười vạn tinh binh (2905)
Quy sư, quy Phật tu hành bấy lâu. (2044)**

Tinh binh: Những người lính được tuyển chọn thật giỏi.

Quy sư: Quay về nương tựa nơi một người thầy (để học Phật và tu tập).

Quy Phát: Quay về nương tựa nơi Bụt, người đưa đường chỉ lối cho ta trong cuộc đời.

Tu hành: Rèn luyện để sửa đổi những điều chưa tốt và thực hành, nuôi lớn những gì thiện lành bằng đời sống hằng ngày của mình.

204- Gạn gừng ngon hỏi ngành tra (1725)

Mây bay hạc lánh biết là tìm đâu? (3232)

Gạn gừng: Hỏi han hết sức cẩn thận, tỉ mỉ và kỹ lưỡng đến từng chi tiết.

Ngành ngon: Đầu đuôi, chi tiết, đầy đủ và tường tận về một sự việc.

205- Cửa chiến vừa cũ cuối xuân (2061)

Tạ từ thoát đã dời chân côi ngoài. (2418)

Cũ: Chỉ một khoảng thời gian liên quan đến thời tiết trong năm.

Cửa chiến: Cửa chùa, chùa chiến.

Tạ từ: Tạ là nói lời cảm ơn, từ là lời chào tạm biệt.

Côi ngoài: Côi này là côi của đúng sai, hơn thua, được mất, lên xuống, buồn vui, thương ghét. Côi ngoài là một nơi không bị giới hạn bởi những thái cực đó.

**206- Thuyền vừa đỗ bến thành thơi (2137)
Tìm hoa quá bước xem người viết kinh. (1986)**

Đỗ bến: Đã đến nơi, đã dừng lại, không còn rong ruổi tìm cầu nữa. Đã về đã tới.

**207- Nghĩ cho khi gác viết kinh (2367)
Thôi thì đẹp nỗi bất bình là xong! (1464)**

Nỗi bất bình: Nỗi oan, nỗi khổ, những năng lượng tiêu cực dồn nén lâu ngày trong lòng.

**208- Nghe lời khuyên nhủ thông dong (1495)
Thế nào cũng chẳng giấu xong được nào! (1488)**

**209- Thấy lời thủng thỉnh như chơi (1589)
Nhờ tay tế độ vớt người trầm luân. (1080)**

Thủng thỉnh: Cũng viết là thủng thẳng, miêu tả trạng thái đi lại, nói năng hoặc hành động một cách chậm rãi, khoan thai, không vội vã, tỏ ra ung dung, tự tại, thường dùng để diễn tả sự thoải mái, thanh thoi hoặc cố tình kéo dài thời gian.

Tế độ: Tế là giúp đỡ đi qua khó khăn. Độ là cứu vớt đưa từ chỗ khổ đau sang bến bờ hạnh phúc.

Trầm luân: Trôi lăn chìm đắm trong khổ đau.

210- Gió quang mây tạnh thanh thoi (2063)

Có người đàn việt lên chơi cửa già. (2064)

Quang: Trời sáng sủa, không có mây.

Tạnh: Hết mưa gió.

Đàn việt: Người tới lễ bái, thực tập, công quả và cúng dường ở chùa.

Già: Già lam, nhà chùa.

Ngày xuân Bói KIỀU

NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI

Số 4 phố Tống Duy Tân, phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Tel: (024) 3825 2916

Fax: (024) 3928 9143

Email: nxbhanoi@yahoo.com.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản:

TỔNG GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP: VŨ VĂN VIỆT

Biên tập viên nhà xuất bản:

Biên tập viên Thaihabooks: |

Sửa bản in: |

Thiết kế bìa: |

Trình bày: |

Biên mục trên xuất bản phẩm của Thư viện Quốc gia Việt Nam

In 2.000 cuốn, khổ 13 x 18cm tại . Số đăng kí KHXB: /CXBIPH//HN.
Quyết định xuất bản số: /QĐ-HN, cấp ngày /12/2025. In xong và nộp
lưu chiếu năm 2026.

